

Số: 52 /NQ-HĐND

Cần Thơ, ngày 08 tháng 12 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

**Về việc quyết định dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn,
thu, chi ngân sách địa phương năm 2024**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ
KHÓA X, KỲ HỌP THỨ MƯỜI BA**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 29 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Nghị quyết số 104/2023/QH15 ngày 10 tháng 11 năm 2023 của
Quốc hội về dự toán ngân sách nhà nước năm 2024;*

*Căn cứ Nghị quyết số 105/2023/QH15 ngày 10 tháng 11 năm 2023 của
Quốc hội về phân bổ ngân sách trung ương năm 2024;*

*Xét Tờ trình số 309/TTr-UBND ngày 04 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân
dân thành phố về việc quyết định dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, thu,
chi ngân sách địa phương năm 2024; Công văn số 5045/UBND-XDĐT ngày 07
tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc thuyết minh chênh lệch
số liệu và trình xin ý kiến điều chỉnh phụ lục, dự thảo Nghị quyết tại Tờ trình số
308/TTr-UBND, Tờ trình số 309/TTr-UBND; Báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế -
ngân sách; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

**Điều 1. Quyết định dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, thu, chi
ngân sách địa phương như sau:**

I. Về dự toán thu, chi ngân sách:

	(ĐVT: triệu đồng)	
	Trung ương giao	HĐNDTP giao
1. Tổng thu ngân sách nhà nước theo chỉ tiêu giao	12.400.000	12.400.000
- Thu nội địa:	12.082.000	12.082.000
- Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu:	318.000	318.000
2. Tổng thu ngân sách địa phương:	15.077.210	15.261.110
- Thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp:	11.584.080	11.584.080
- Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên:	3.185.911	3.185.911
+ Bổ sung cân đối	815.615	815.615
+ Bổ sung có mục tiêu	2.370.296	2.370.296
- Thu chuyển nguồn cải cách tiền lương còn dư của ngân sách địa phương	307.219	307.219
- Thu kết dư ngân sách		183.900
3. Tổng chi ngân sách địa phương	17.293.010	17.476.910
- Chi cân đối ngân sách địa phương	14.922.714	15.083.987
<i>Gồm:</i>		
+ Từ nguồn ngân sách địa phương được hưởng:	11.584.080	11.584.080
+ Từ nguồn bù đắp bội chi ngân sách	2.215.800	2.215.800
. Nguồn Chính phủ vay về cho vay lại	1.215.800	1.215.800
. Nguồn phát hành trái phiếu chính quyền địa phương	1.000.000	1.000.000
+ Từ nguồn bổ sung cân đối của trung ương	815.615	815.615
+ Từ nguồn bổ sung có mục tiêu của trung ương		82.073
+ Từ nguồn cải cách tiền lương còn dư của ngân sách địa phương	307.219	307.219
+ Từ nguồn kết dư ngân sách		79.200
- Chi thực hiện các chương trình mục tiêu:	2.370.296	2.288.223

+ Bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các dự án:	2.153.160	2.153.160
+ Bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ chính sách:	217.136	135.063
- Chi trả nợ gốc của ngân sách địa phương:		104.700
4. Bội chi ngân sách địa phương	2.215.800	2.215.800

(Kèm theo Phụ lục I, II, III)

II. Về kế hoạch vay, trả nợ năm 2024:

1. Tổng số chi trả nợ gốc các khoản vay:	104.700 triệu đồng.
2. Tổng mức vay của thành phố:	2.215.800 triệu đồng
- Vay để bù đắp bội chi ngân sách:	2.215.800 triệu đồng
+ Chính phủ vay cho vay lại:	1.215.800 triệu đồng
+ Vay từ phát hành trái phiếu chính quyền địa phương	1.000.000 triệu đồng

(Kèm theo Phụ lục IV)

Điều 2. Các giải pháp thực hiện dự toán thu, chi ngân sách

Giao Ủy ban nhân dân thành phố chỉ đạo các ngành, các cấp của thành phố thực hiện một số giải pháp, cụ thể như sau:

1. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, quán triệt triển khai thực hiện các chủ trương, chính sách và văn bản hướng dẫn của cấp có thẩm quyền; kịp thời thể chế hóa các văn bản chỉ đạo của Chính phủ, Bộ Tài chính, Nghị quyết của Thành ủy và Hội đồng nhân dân thành phố về công tác quản lý, điều hành ngân sách, phân đấu thu vượt dự toán Hội đồng nhân dân thành phố giao để có nguồn đáp ứng các nhiệm vụ chi theo dự toán và xử lý các nhiệm vụ phát sinh. Hạn chế tối đa việc đề xuất, ban hành các chính sách mới làm giảm thu ngân sách nhà nước; chỉ ban hành mới chính sách làm tăng chi ngân sách trong trường hợp thật sự cần thiết và có nguồn đảm bảo, phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách thành phố. Triển khai thực hiện có hiệu quả chương trình, kế hoạch thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong quản lý, sử dụng tài sản công, vốn đầu tư công và kinh phí từ ngân sách nhà nước.

2. Đối với nhiệm vụ thu ngân sách:

a) Xây dựng và triển khai thực hiện có hiệu quả Đề án huy động tài chính và tăng thu ngân sách thành phố Cần Thơ giai đoạn 2023 - 2025.

b) Các ngành, các cấp phối hợp chặt chẽ trong công tác quản lý thu, tổ chức

thực hiện tốt các Luật thuế, Luật Quản lý thuế và các nhiệm vụ thu ngân sách nhà nước ngay từ đầu năm 2024; cụ thể:

- Tăng cường công tác quản lý thu phù hợp với từng lĩnh vực, địa bàn, đối tượng thu; đẩy mạnh công tác thanh tra, kiểm tra thuế, chống thất thu, chuyển giá, buôn lậu, gian lận thương mại, trốn thuế,... bảo đảm thu đúng, đủ, kịp thời vào ngân sách nhà nước. Tích cực, kiên quyết thực hiện các biện pháp xử lý, đôn đốc thu hồi nợ thuế, chậm nộp, hạn chế phát sinh nợ thuế mới. Tăng cường công tác rà soát, kiểm tra hóa đơn điện tử, hoạt động kinh doanh thương mại điện tử, kinh doanh trên nền tảng số, chuyển nhượng vốn, kinh doanh bất động sản....

- Thu hồi đầy đủ, kịp thời các khoản phải thu theo kiến nghị của cơ quan kiểm toán, kết luận của cơ quan thanh tra và các cơ quan bảo vệ pháp luật.

c) Tổ chức rà soát, sắp xếp lại tài sản công bảo đảm sử dụng đúng mục đích, tiêu chuẩn, định mức theo chế độ quy định và phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ; tăng cường khai thác nguồn lực tài chính từ tài sản công (đất đai, tài nguyên, tài sản khu vực sự nghiệp công, tài sản là các loại kết cấu hạ tầng giao thông, thủy lợi), đẩy mạnh việc xử lý tài sản không còn nhu cầu sử dụng để tạo nguồn tài chính bổ sung cho đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội và các nhu cầu khác theo quy định. Tiếp tục tháo gỡ vướng mắc khó khăn cho các dự án có thu tiền sử dụng đất nhằm huy động vốn cho phát triển kinh tế - xã hội. Tiếp tục thực hiện đấu giá cơ sở nhà, đất dôi dư, không còn nhu cầu sử dụng sau khi sắp xếp lại; thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất khi giao đất, cho thuê đất, đảm bảo hoàn thành dự toán thu tiền sử dụng đất do Hội đồng nhân dân thành phố giao; phối hợp chặt chẽ trong công tác quản lý thu thuế đối với tài nguyên, khoáng sản khai thác trên địa bàn.

3. Đối với nhiệm vụ chi ngân sách:

a) Đối với chi đầu tư xây dựng cơ bản

- Thực hiện bố trí kế hoạch vốn đầu tư công theo hướng tập trung vốn vào các lĩnh vực then chốt, các công trình trọng điểm, có sức lan tỏa, tạo động lực phát triển nền kinh tế - xã hội; không bố trí vốn dàn trải. Ưu tiên vốn đầu tư các khu tái định cư tạo điều kiện triển khai nhanh các dự án đầu tư công và thu hút vốn đầu tư các dự án có vốn ngoài ngân sách.

- Đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Thành ủy; tập trung tháo gỡ các vướng mắc về giải phóng mặt bằng, thủ tục đầu tư, đấu thầu, nguồn nguyên, vật liệu... Theo dõi sát tiến độ triển khai và giải ngân các dự án đầu tư trên địa bàn, đặc biệt là các dự án trọng điểm của thành phố, chủ động đề xuất cắt giảm, điều chỉnh kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách nhà nước từ các dự án có tỷ lệ giải ngân thấp

sang các dự án có tiến độ giải ngân tốt hơn nhằm sớm hoàn thành đưa vào sử dụng và tăng hiệu quả sử dụng các nguồn vốn, góp phần tạo động lực tăng trưởng kinh tế của thành phố.

- Thực hiện nghiêm quy định quyết toán dự án hoàn thành đúng hạn quy định, không để tình trạng tồn đọng các dự án đầu tư công đã hoàn thành nhưng chậm phê duyệt quyết toán.

b) Đối với chi thường xuyên

- Điều hành, quản lý chi trong phạm vi dự toán, đúng nguồn kinh phí được giao, đúng tiêu chuẩn, định mức, chế độ quy định; giảm triệt để kinh phí tổ chức hội nghị, hội thảo, khánh tiết, đi nghiên cứu, khảo sát nước ngoài không bức xúc, cần thiết; không bố trí dự toán chi cho các chính sách chưa ban hành. Kiểm soát chi ngân sách chặt chẽ, tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

- Tiếp tục sắp xếp bộ máy, tinh giản biên chế, việc phân bổ và giao dự toán chi thường xuyên phù hợp với tiến độ và lộ trình thực hiện tinh giản biên chế; đẩy mạnh việc sắp xếp tổ chức bộ máy thực hiện cơ chế tự chủ và nâng cao mức độ tự chủ tài chính của các đơn vị sự nghiệp công lập, góp phần nâng cao chất lượng dịch vụ sự nghiệp công, đồng thời giảm áp lực lên ngân sách nhà nước.

- Đầu tư xây dựng, mua sắm tài sản công theo đúng chế độ, tiêu chuẩn, định mức, đảm bảo tiết kiệm, công khai, minh bạch. Sử dụng hiệu quả tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết theo đúng quy định của pháp luật, chấn chỉnh, xử lý nghiêm việc sử dụng tài sản công vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết không đúng quy định.

- Trường hợp đánh giá khả năng hụt thu cân đối ngân sách địa phương, phải chủ động có phương án bù đắp như: sử dụng nguồn dự phòng ngân sách địa phương và quỹ dự trữ tài chính theo quy định; kết hợp với sắp xếp, cắt giảm, giãn các nhiệm vụ chi chưa thật sự bức xúc, cần thiết để đảm bảo cân đối ngân sách địa phương; cơ cấu lại chi đầu tư phát triển của ngân sách địa phương.

4. Chủ động trong công tác quản lý nợ công và nợ chính quyền địa phương, đảm bảo an toàn nợ. Thực hiện phát hành trái phiếu chính quyền địa phương theo đúng quy định. Tăng cường kiểm tra, giám sát việc vay, sử dụng vốn vay và trả nợ.

5. Thực hiện nghiêm các kết luận thanh tra, kiểm toán. Xử lý kịp thời, đầy đủ những sai phạm được phát hiện qua công tác kiểm tra, thanh tra, kiểm toán; làm rõ trách nhiệm của từng tổ chức, cá nhân và thực hiện chế độ trách nhiệm đối với thủ trưởng đơn vị sử dụng ngân sách trong quản lý điều hành ngân sách khi để xảy ra

thất thoát, lãng phí, sử dụng ngân sách sai chế độ, chính sách. Tập trung phối hợp với các cơ quan Kiểm toán Nhà nước, thanh tra để xử lý dứt điểm các kiến nghị, kết luận còn tồn đọng từ các năm trước.

6. Tổ chức công khai minh bạch việc sử dụng ngân sách nhà nước theo quy định. Thực hiện nghiêm kỷ luật tài chính - ngân sách nhà nước, tăng cường kiểm tra, giám sát và công khai, minh bạch việc sử dụng ngân sách nhà nước, nhất là trong các lĩnh vực dễ phát sinh tham nhũng, lãng phí, đề cao và làm rõ trách nhiệm cá nhân của Thủ trưởng đơn vị thụ hưởng ngân sách trong việc quản lý và sử dụng ngân sách nhà nước.

Điều 3. Trách nhiệm thi hành

1. Giao Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức thực hiện Nghị quyết này theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được pháp luật quy định.

2. Khi Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2024 thì Ủy ban nhân dân thành phố có trách nhiệm trình Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố để trao đổi, thống nhất và báo cáo Hội đồng nhân dân thành phố tại kỳ họp gần nhất.

3. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ khóa X, kỳ họp mười ba thông qua ngày 08 tháng 12 năm 2023./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ban Công tác đại biểu - UBTWQH;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Đoàn đại biểu Quốc hội TP. Cần Thơ;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND thành phố;
- UBND thành phố;
- UBNDTQVN thành phố;
- Đại biểu HĐND thành phố;
- Sở, ban, ngành, đoàn thể thành phố;
- Thường trực HĐND, UBND quận, huyện;
- Website Chính phủ và thành phố;
- TT. Công báo, Trung tâm lưu trữ lịch sử;
- Báo Cần Thơ, Đài PT và TH TP. Cần Thơ;
- Lưu: VT,HD,250.

CHỦ TỊCH



Phạm Văn Hiểu



Phụ lục I

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2024

(Kèm theo Nghị quyết số 52/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân thành phố)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2023	Ước thực hiện năm 2023	Dự toán năm 2024	So sánh	
					Tuyệt đối	Tương đối (%)
A	B	1	2	3	4 = 3-1	5
A	TỔNG NGUỒN THU NSDP	15.572.643	24.143.927	15.261.110	3.189.060	63,21
I	Thu NSDP được hưởng theo phân cấp	10.024.610	10.247.356	11.584.080	1.559.470	113,04
1	- Thu NSDP hưởng 100%	3.355.710	4.068.056	4.985.300	1.629.590	122,55
2	- Thu NSDP hưởng từ các khoản thu phân chia	6.668.900	6.179.300	6.598.780	-70.120	106,79
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	3.584.125	3.533.062	3.185.911	-398.214	90,17
1	Thu bổ sung cân đối ngân sách	799.615	799.615	815.615	16.000	
2	Thu bổ sung có mục tiêu	2.784.510	2.733.447	2.370.296	-414.214	86,71
III	Thu từ quỹ dự trữ tài chính					
IV	Thu kết dư	1.963.908	1.497.929	183.900		
	Nguồn thu vượt sử dụng đất các năm trước			183.900		
V	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang		8.865.580	307.219		
	<i>Trong đó Thu chuyển nguồn cải cách tiền lương năm trước sang</i>			307.219		
B	TỔNG CHI NSDP	16.652.978	14.725.055	17.476.910	823.932	104,95
I	Tổng chi cân đối NSDP	13.541.428	12.281.595	15.083.987	1.542.559	111,39
1	Chi đầu tư phát triển	6.091.508	5.856.968	7.564.935	1.473.427	124,19
2	Chi thường xuyên	7.150.509	6.274.997	7.097.534	-52.975	99,26
3	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	71.900	71.900	166.000	94.100	230,88
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.380	1.380	1.380	0	100,00
5	Dự phòng ngân sách	226.131	76.350	254.138	28.007	112,39
6	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương				0	
II	Chi các chương trình mục tiêu	2.784.510	2.348.960	2.288.223	-496.287	82,18
1	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia	-	-	-	-	-
2	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	2.784.510	2.348.960	2.288.223	-496.287	82,18
III	Chi chuyển nguồn sang năm sau					
IV	Chi trả nợ gốc của NSDP	327.040	94.500	104.700	-222.340	32,01
C	BỘI CHI NSDP/BỘI THU NSDP	1.329.000	1.223.000	2.215.800	886.800	166,73
D	CHI TRẢ NỢ GỐC CỦA NSDP	327.040	94.500	104.700		
I	Từ nguồn vay để trả nợ gốc					
II	Từ nguồn bội thu, tăng thu, tiết kiệm chi, kết dư ngân sách cấp tỉnh	327.040	94.500	104.700		
E	TỔNG MỨC VAY CỦA NSDP	1.329.000	1.223.000	2.215.800	886.800	166,73
I	Vay để bù đắp bội chi	1.329.000	1.223.000	2.215.800	886.800	166,73
II	Vay để trả nợ gốc				0	

Ghi chú: - Tổng chi NSDP không bao gồm chi nộp NS cấp trên và chi XD CB từ vốn tạm ứng các năm trước chuyển sang



Phụ lục II
DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THEO LĨNH VỰC NĂM 2023
 (Kèm theo Nghị quyết số 52/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân thành phố)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Thực hiện năm 2023				Dự toán năm 2024				So sánh giữa dự toán năm 2024 và thực hiện năm 2023 (%)			
		Tổng thu NSNN		Thu NSDP		Bộ Tài chính giao		HNND thành phố giao		Bộ Tài chính giao		HNND thành phố giao	
		Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP
A	B	1	2	3	4	5	6	7 = 3/1	8 = 4/2	9 = 5/1	10 = 6/2		
	TỔNG THU NSNN THEO CHỈ TIÊU (I + II)	11.138.796	10.247.356	12.400.000	11.584.080	12.400.000	11.584.080	111,32	113,04	111,32	113,04		
I	Thu nội địa	10.762.000	10.247.356	12.082.000	11.584.080	12.082.000	11.584.080	112,27	113,04	112,27	113,04		
1	Thu từ khu vực DNNN do trung ương quản lý	872.000	872.000	950.000	950.000	950.000	950.000	108,94	108,94	108,94	108,94		
	- Thuế giá trị gia tăng	598.000	598.000	744.000	744.000	744.000	744.000	124,41	124,41	124,41	124,41		
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	226.000	226.000	200.000	200.000	200.000	200.000	88,50	88,50	88,50	88,50		
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt	36.800	36.800					0,00	0,00	0,00	0,00		
	- Thuế tài nguyên	11.200	11.200	6.000	6.000	6.000	6.000	53,57	53,57	53,57	53,57		
2	Thu từ khu vực DNNN do địa phương quản lý	177.500	177.500	185.000	185.000	185.000	185.000	104,23	104,23	104,23	104,23		
	- Thuế giá trị gia tăng	67.100	67.100	110.000	110.000	110.000	110.000	163,93	163,93	163,93	163,93		
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	100.400	100.400	64.000	64.000	64.000	64.000	63,75	63,75	63,75	63,75		
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt												
	- Thuế tài nguyên	10.000	10.000	11.000	11.000	11.000	11.000	110,00	110,00	110,00	110,00		
3	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	1.060.000	1.060.000	1.150.000	1.150.000	1.150.000	1.150.000	108,49	108,49	108,49	108,49		
	- Thuế giá trị gia tăng	290.600	290.600	389.800	389.800	389.800	389.800	134,14	134,14	134,14	134,14		
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	294.200	294.200	285.000	285.000	285.000	285.000	96,87	96,87	96,87	96,87		
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt	475.000	475.000	475.000	475.000	475.000	475.000	100,00	100,00	100,00	100,00		
	- Thuế tài nguyên	200	200	200	200	200	200	100,00	100,00	100,00	100,00		
4	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	2.522.000	2.522.000	2.733.000	2.732.780	2.733.000	2.732.780	108,37	108,36	108,37	108,36		
	- Thuế giá trị gia tăng	1.359.000	1.359.000	1.551.600	1.551.600	1.551.600	1.551.600	114,17	114,17	114,17	114,17		
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	710.200	710.200	720.000	720.000	720.000	720.000	101,38	101,38	101,38	101,38		
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt	450.000	450.000	459.600	459.380	459.600	459.380	102,13	102,08	102,13	102,08		
	- Thuế tài nguyên	2.800	2.800	1.800	1.800	1.800	1.800	64,29	64,29	64,29	64,29		
5	Thuế thu nhập cá nhân	1.188.000	1.188.000	1.210.000	1.210.000	1.210.000	1.210.000	101,85	101,85	101,85	101,85		
6	Thuế bảo vệ môi trường	640.000	384.000	650.000	390.000	650.000	390.000	101,56	101,56	101,56	101,56		
	- Thuế BVMT thu từ hàng hóa nhập khẩu	256.000	0	260.000		260.000		101,56		101,56			
	- Thuế BVMT thu từ hàng hóa sản xuất, kinh doanh trong nước	384.000	384.000	390.000	390.000	390.000	390.000	101,56	101,56	101,56	101,56		
7	Lệ phí trước bạ	420.000	420.000	480.000	480.000	480.000	480.000	114,29	114,29	114,29	114,29		
8	Thu phi, lệ phí	198.000	128.000	210.000	140.000	210.000	140.000	106,06	109,38	106,06	109,38		
	- Phi và lệ phí trung ương	70.000	0	70.000		70.000		100,00		100,00			
	- Phi và lệ phí địa phương	128.000	128.000	140.000	140.000	140.000	140.000	109,38	109,38	109,38	109,38		
9	Thuế sử dụng đất nông nghiệp												
10	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	39.052	39.052	35.000	35.000	35.000	35.000	89,62	89,62	89,62	89,62		
11	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	198.000	198.000	175.000	175.000	175.000	175.000	88,38	88,38	88,38	88,38		
	- Thu tiền thuê mặt đất, mặt nước trong dự toán	198.000	198.000	175.000	175.000	175.000	175.000	88,38	88,38	88,38	88,38		
	- Ghi thu ghi chi từ nguồn thu tiền thuê mặt đất, mặt nước												
12	Thu tiền sử dụng đất	1.207.100	1.207.100	2.170.000	2.170.000	2.170.000	2.170.000	179,77	179,77	179,77	179,77		
	- Thu tiền sử dụng đất trong dự toán	1.207.100	1.680.000	2.170.000	2.170.000	2.170.000	2.170.000	179,77	129,17	179,77	129,17		
	- Ghi thu ghi chi từ nguồn thu tiền sử dụng đất												
13	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước	8.000	8.000	50.000	50.000	50.000	50.000	625,00	625,00	625,00	625,00		
14	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	1.850.000	1.850.000	1.800.000	1.800.000	1.800.000	1.800.000	97,30	97,30	97,30	97,30		
	- Thu hoạt động XSQT truyền thống	1.810.000	1.810.000	1.770.000	1.770.000	1.770.000	1.770.000	97,79	97,79	97,79	97,79		
	- Thu hoạt động XSQT điện toán	40.000	40.000	30.000	30.000	30.000	30.000	75,00	75,00	75,00	75,00		
15	Thu khác ngân sách	360.000	175.000	260.000	100.000	260.000	100.000	72,22	57,14	72,22	57,14		
	- Thu khác ngân sách trung ương	185.000		160.000		160.000		86,49		86,49			
	+ Thu phạt vi phạm ATGT												
	- Thu khác ngân sách địa phương	175.000	175.000	100.000	100.000	100.000	100.000	57,14	57,14	57,14	57,14		
16	Thu cổ tức, lợi nhuận	14.848	14.848	12.000	12.000	12.000	12.000	80,82	80,82	80,82	80,82		
17	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	7.500	3.856	12.000	4.300	12.000	4.300	160,00	111,51	160,00	111,51		
	- Giấy phép do cơ quan trung ương cấp	5.206	1.562	11.000	3.300	11.000	3.300						
	- Giấy phép do UBND cấp tỉnh cấp	2.294	2.294	1.000	1.000	1.000	1.000	43,59	43,59	43,59	43,59		
II	Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu	376.796		318.000		318.000		84,40		84,40			
1	Thuế GTGT thu từ hàng hóa nhập khẩu	271.572		268.900		268.900		99,02		99,02			
2	Thuế xuất khẩu	716		0		0		0,00		0,00			
3	Thuế nhập khẩu	68.777		40.000		40.000		58,16		58,16			
4	Thuế TTĐB thu từ hàng hóa nhập khẩu	1.860		2.000		2.000		107,53		107,53			
5	Thuế BVMT thu từ hàng hóa nhập khẩu	75		100		100		133,33					
6	Thu khác	33.796		7.000		7.000							



Phụ lục III

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG THEO CƠ CẤU CHI NĂM 2024

(Kèm theo Nghị quyết số 32/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân thành phố)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2023	Dự toán năm 2024	So sánh	
				Tuyệt đối	Tương đối (%)
A	B	1	2	3=2-1	4=2/1
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	16.652.978	17.476.910	823.932	104,95
A	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	13.541.428	15.083.987	1.542.559	111,39
I	Chi đầu tư phát triển	6.091.508	7.564.935	1.473.427	124,19
1	Chi đầu tư cho các dự án	6.080.165	7.564.935	1.484.770	124,42
a	Từ nguồn thu tiền sử dụng đất	700.000	2.170.000	1.470.000	310,00
	Trong đó: Ghi thu ghi chi tiền sử dụng đất, tiền thuê đất			-	#DIV/0!
b	Từ nguồn thu xổ số kiến thiết	1.650.000	1.800.000	150.000	109,09
c	Từ nguồn cân đối ngân sách địa phương	1.465.935	1.379.135	(86.800)	94,08
d	Chi đầu tư từ bội chi	1.329.000	2.215.800	886.800	166,73
d	Chi từ các nguồn khác	935.230		(935.230)	
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định pháp luật				
3	Chi đầu tư phát triển khác	11.343		(11.343)	-
3	Chi đầu tư phát triển khác			-	
II	Chi thường xuyên	7.150.509	7.097.534	(52.975)	99,26
	Trong đó:			-	
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	2.625.087	2.979.632		113,51
2	Chi khoa học và công nghệ	48.732	50.551		103,73
III	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	71.900	166.000	94.100	230,88
IV	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.380	1.380	-	100,00
V	Dự phòng ngân sách	226.131	254.138	28.007	112,39
VI	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương			-	
B	CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU	2.784.510	2.288.223	(496.287)	82,18
I	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia			-	
II	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	2.784.510	2.288.223	(496.287)	82,18
1	Chi đầu tư	2.730.250	2.153.160	(577.090)	78,86
	- Vốn ngoài nước	764.550	40.160	(724.390)	5,25
	- Vốn trong nước	1.965.700	2.113.000	147.300	107,49
	- Vốn trái phiếu			-	
2	Chi sự nghiệp	54.260	135.063	80.803	248,92
	- Vốn ngoài nước			-	
	- Vốn trong nước	54.260	135.063	80.803	248,92
	+ Hỗ trợ các Hội văn học nghệ thuật địa phương	528		(528)	
	+ Hỗ trợ các Hội nhà báo địa phương	200		(200)	
	+ Kinh phí thực hiện Chương trình trợ giúp xã hội và PHCN cho người tâm thần, trẻ em tự kỷ và người rối nhiễu tâm trí; chương trình phát triển công tác xã hội	200		(200)	
	+ Kinh phí thực hiện nhiệm vụ đảm bảo trật tự an toàn giao thông	8.770	8.752	(18)	99,79
	+ Kinh phí quản lý bảo trì đường bộ cho Quỹ bảo trì đường bộ địa phương	44.562	47.823	3.261	107,32
	+ Kinh phí thực hiện các chính sách an sinh xã hội		78.488	78.488	
	+ Hỗ trợ để đảm bảo mặt bằng chi NSDP			-	
C	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU			-	
D	CHI TRẢ NỢ GỐC CỦA NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	327.040	104.700	(222.340)	32,01

* Ghi chú: Dự toán chi năm 2023 không bao gồm chi nộp ngân sách cấp trên.



Phụ lục IV

BỘI CHI VÀ PHƯƠNG AN VAY - TRẢ NỢ NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2024

(Kèm theo Nghị quyết số 52/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân thành phố)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung	Ước thực hiện năm 2023	Dự toán năm 2024	So sánh
A	B	1	2	3=2-1
A	THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	10.619.874	11.584.080	964.206
B	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	11.842.874	13.799.880	1.957.006
C	BỘI CHI NSĐP/BỘI THU NSĐP	1.223.000	2.215.800	992.800
D	HẠN MỨC DƯ NỢ VAY TỐI ĐA CỦA NSĐP THEO QUY ĐỊNH	6.014.766	6.950.448	935.682
E	KẾ HOẠCH VAY, TRẢ NỢ GỐC			
I	Tổng dư nợ đầu năm	1.321.843	2.450.343	1.128.500
	<i>Tỷ lệ mức dư nợ đầu kỳ so với mức dư nợ vay tối đa của ngân sách địa phương (%)</i>	21,98	35,25	13,28
1	Trái phiếu chính quyền địa phương			
2	Vay lại từ nguồn Chính phủ vay ngoài nước	1.321.843	2.450.343	1.128.500
	+ <i>DA Phát triển TPCT và tăng cường khả năng thích ứng của đô thị</i>	1.148.833		-1.148.833
	+ <i>Dự án Kè bờ sông cần thơ - Ứng phó biến đổi khí hậu thành phố Cần Thơ</i>	168.732		
	+ <i>DA Tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai trên địa bàn TPCT</i>	4.278		-4.278
II	Trả nợ gốc vay trong năm	94.500	104.700	10.200
1	Theo nguồn vốn vay	94.500	104.700	10.200
-	Trái phiếu chính quyền địa phương			
-	Vay lại từ nguồn Chính phủ vay ngoài nước	94.500	104.700	10.200
-	Vay trong nước khác theo quy định của pháp luật			
2	Theo nguồn trả nợ	94.500	104.700	10.200
-	Kết dư ngân sách cấp thành phố	94.500	104.700	10.200
III	Tổng mức vay trong năm	1.223.000	2.215.800	992.800
1	Theo mục đích vay	1.223.000	2.215.800	992.800
	Vay để bù đắp bội chi	1.223.000	2.215.800	992.800
2	Theo nguồn vay	1.223.000	2.215.800	992.800
-	Trái phiếu chính quyền địa phương		1.000.000	1.000.000
-	Vay lại từ nguồn Chính phủ vay ngoài nước	1.223.000	1.215.800	-7.200
IV	Tổng dư nợ cuối năm	2.450.343	4.561.443	2.111.100
	<i>Tỷ lệ mức dư nợ cuối kỳ so với mức dư nợ vay tối đa của ngân sách địa phương (%)</i>	40,74	65,63	24,89
1	Trái phiếu chính quyền địa phương		1.000.000	1.000.000
2	Vay lại từ nguồn Chính phủ vay ngoài nước	2.450.343	3.561.443	1.111.100
F	TRẢ NỢ LÃI, PHÍ	71.900	166.000	94.100

